

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 13/7/2022.

“V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Nguyễn Hòa Hợp.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buối – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Gia H; Sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Vào năm 2014, ông S và bà Đỗ Thị Gia H sống chung với nhau, đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, ông S và bà Đỗ Thị Gia H sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong quá trình chung sống, ông S và bà Đỗ Thị Gia H có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 09/12/2014 và Nguyễn Minh T1 sinh ngày 26/11/2016. Ông S và bà Đỗ Thị Gia H không có tài sản chung và nợ chung.

Nay ông Nguyễn Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Gia H.
- Về con chung: Ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Minh T và Nguyễn Minh T1, không yêu cầu bà Đỗ Thị Gia H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thị Gia H trình bày: Bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác do Tòa án gửi đến, nhưng do làm ăn xa nên bà không thể về dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn S về thời gian kết hôn, địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung. Nhưng về nợ chung, ông S trình bày không có nợ chung là không đúng. Vì cả hai vợ chồng bà còn nợ một số người.

Đối với yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn S, thì bà đồng ý ly hôn. Về con chung, bà đồng ý giao hai người con chung là cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 09/12/2014 và Nguyễn Minh T1 sinh ngày 26/11/2016 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: yêu cầu chia đôi số nợ chung mà hai vợ chồng còn thiếu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, ông S và bà Đỗ Thị Gia H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa, ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và bà Đỗ Thị Gia H cũng đồng ý ly hôn. Nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận cho ông S được ly hôn với bà Đỗ Thị Gia H.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Đỗ Thị Gia H xác định trong thời chung sống ông và bà Đỗ Thị Gia H có một người con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 09/12/2014 và Nguyễn Minh T1 sinh ngày 26/11/2016. Ông Nguyễn Văn S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu T1 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Đỗ Thị Gia H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay cháu T và cháu T1 đều do ông S chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến

sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu T và cháu T1. Bên cạnh đó, tại phiên tòa bà Đỗ Thị Gia H cũng đồng ý giao cháu T và cháu T1 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu T, HĐXX quyết định giao cháu cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu T.

Về cấp dưỡng: Ông S không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn S xác định trong thời gian chung sống ông và bà Đỗ Thị Gia H không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn S xác định trong thời gian chung sống ông và bà Đỗ Thị Gia H không có nợ chung, nhưng phía bà Đỗ Thị Gia H trình bày có thiếu nợ một số người. Tại phiên tòa bà Đỗ Thị Gia H cũng thừa nhận có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến, nhưng do bận công việc nên không về dự được theo các giấy triệu tập tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự “ *bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*”. Do đó tại phiên tòa bà Đỗ Thị Gia H yêu cầu giải quyết vấn đề nợ chung Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Đỗ Thị Gia H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 09/12/2014 và cháu Nguyễn Minh T1 sinh ngày 26/11/2016 cho ông Nguyễn Văn S tiếp tục nuôi dưỡng

đến khi thành niên cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu T. Bà Đỗ Thị Gia H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà Đỗ Thị Gia H mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn S xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Khi các đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003385 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông S đã nộp xong án phí. Bà Đỗ Thị Gia H không phải chịu án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà